TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2022/QĐST-HNGĐ	***Y,*** *ngày 25 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S sinh năm 1986; địa chỉ xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/3/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị N và anh S cùng trình bày vợ chồng có 02 con là cháu Nguyễn A sinh ngày 19/08/2008 và cháu Nguyễn C sinh ngày 02/06/2012. Chị N và anh S thỏa thuận giao cả hai cháu A và cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị; chị N cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu.

Anh S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu A và cháu C được sống chung với chị N và anh S có quyền thăm nom, chăm sóc cháu A và cháu C; chị N không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc cháu A và cháu C.

Về tài sản: Chị N và anh S đều trình bày, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì. .

Về án phí: Chị N và anh S thỏa thuận chị N chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005528 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.